

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Đình Bảo Thiện và bà Đào Thị Mộng Trinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T – Sinh năm 1940.

Địa chỉ: 35/8 N, T, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Ung Thị B – Sinh năm 1944.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Thành T khai:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Ung Thị B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau nên về chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1977 tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Do lúc đó không hiểu biết pháp luật nên cũng không đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn. Năm 1978 vợ chồng sinh được 01 đứa con gái, đến năm 1980 thì sinh thêm 01 đứa con trai. Sau một thời gian chung sống cảm thấy không hợp nữa nên vợ chồng ly thân từ năm 1985

mãi cho đến nay. Nay đề khởi ràng buộc nhau, và đề thuận tiện cho công việc liên quan sau này, ông đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ung Thị B.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B1 – Sinh ngày 05/5/1978 và Nguyễn Thành T1 – Sinh ngày 01/01/1980. Hiện các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 08/5/2024, bị đơn bà Ung Thị B trình bày: lời trình bày của ông T là hoàn toàn đúng. Vợ chồng ông bà không chung sống với nhau đã lâu, hiện không còn tình cảm nữa nên ông T yêu cầu ly hôn, bà cũng thống nhất. Về con chung, bà cũng thống nhất theo trình bày của ông T. Về tài sản và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T có đơn từ chối hòa giải và xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Kim Bình, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T có đơn từ chối hòa giải và xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông Nguyễn Thành T và bà Ung Thị B đều xác nhận ông, bà tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau nên về chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1977 tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Do

lúc đó không hiểu biết pháp luật nên ông bà không đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn. Năm 1978 vợ chồng sinh được 01 đứa con gái, đến năm 1980 thì sinh thêm 01 đứa con trai. Sau một thời gian chung sống cảm thấy không hợp nữa nên vợ chồng ly thân từ năm 1985 mãi cho đến nay.

Xét thấy, tuy quan hệ hôn nhân của ông T, bà B chưa được đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng đã được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên được công nhận là quan hệ hôn nhân thực tế, nay đương sự có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý và giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành T và bà Ung Thị B thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của ông T là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: vợ chồng T - B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B1 – Sinh ngày 05/5/1978 và Nguyễn Thành T1 – Sinh ngày 01/01/1980. Hiện các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông T, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thành T tuy thuộc trường hợp đủ điều kiện được xem xét miễn án phí nhưng do ông không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa nên ông phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bà Ung Thị B không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành T.

Ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Ung Thị B.

2. *Về án phí:*

Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông T đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013315 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Bà Ung Thị B không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo:*

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/5/2024).

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Huyền